

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
**SỞ LAO ĐỘNG**  
**THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đắk Nông, ngày tháng năm 2022*

Số: /SLĐTBXH-LĐVL&GDNN

V/v rà soát, báo cáo tình hình sử dụng thang máy và các loại máy, thiết bị, vật tư chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh Đắk Nông;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

Để có cơ sở thống kê, tổng hợp về tình hình sử dụng thang máy và các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn vệ sinh lao động sử dụng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các đơn vị phối hợp thực hiện nội dung như sau:

1. Các Sở, ban, ngành, các Hội đoàn thể tỉnh Đắk Nông phối hợp rà soát cung cấp, báo cáo tình hình sử dụng thang máy và các loại máy, thiết bị, vật tư chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn vệ sinh lao động sử dụng tại đơn vị.

2. Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chức năng rà soát và tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng thang máy và các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn vệ sinh lao động sử dụng tại đơn vị, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng trên địa bàn quản lý.

Các đơn vị rà soát theo danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động **trừ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự và ngành Công an (Có danh mục kèm theo).**

Báo cáo gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông (thông qua Phòng Lao động - Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp) địa chỉ: đường Amajhao, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Điện thoại liên hệ: 02613.544.875. Báo cáo theo mẫu (*gửi kèm theo*) trước ngày **10/7/2022** để kịp thời tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đề nghị các Sở, ban, ngành, các Hội đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp triển khai thực hiện./

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Phòng LĐTBXH các huyện, Tp (thực hiện);
- GD, PGD (đ/c Nam);
- Trang TTĐT Sở LĐ-TB&XH;
- Lưu: VT, LĐVL&GDNN (S).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Việt Nam**

**DANH MỤC**  
**CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM**  
**NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019*  
*của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

<b>STT</b>	<b>MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG</b>
<b>Mục 1</b>	<b>Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động</b>
1	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quả nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C.
2	Nồi gia nhiệt dầu.
3	Hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và II có đường kính ngoài từ 51mm trở lên, các đường ống dẫn cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76mm trở lên theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158:1996 và TCVN 6159:1996.
4	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 và các bình chịu áp lực cỡ áp suất làm việc định mức trên 210 bar.
5	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010.
6	Các loại chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, khí thiên nhiên nén, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí hòa tan có áp suất làm việc cao hơn 0.7 bar.
7	Hệ thống cung cấp, hệ thống điều chế, hệ thống nạp khí nén, khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí hòa tan.
8	Hệ thống đường ống dẫn khí đốt cố định, đường ống dẫn khí đốt trên biển; Hệ thống đường ống dẫn khí y tế; Hệ thống đường ống dẫn khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan.

9	Hệ thống lạnh theo phân loại tại TCVN 6739:2015 bao gồm: Sử dụng môi chất lạnh nhóm A3, B2L, B2, B3; Sử dụng môi chất lạnh nhóm A2 có lượng nạp vào hệ thống từ 1.5kg trở lên; Sử dụng môi chất lạnh nhóm A1, A2L, B1 có lượng nạp vào hệ thống từ 05kg trở lên.
10	Cần trục.
11	Cầu trục.
12	Công trục, bán công trục.
13	Trục cáp chở hàng; Trục cáp chở người; Trục cáp trong các máy thi công, trục tải giêng nghiêng, trục tải giêng đứng.
14	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.
15	Xe tời điện chạy trên ray.
16	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng: bàn nâng; sàn nâng; sàn nâng dùng để nâng người làm việc trên cao; tời nâng người làm việc trên cao.
17	Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.
18	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.
19	Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m.
20	Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người; máy vận thăng sử dụng trong thi công xây dựng.
21	Thang máy các loại.
22	Thang cuốn; băng tải chở người
23	Sàn biểu diễn di động.
24	Các thiết bị trò chơi: tàu lượn, đu quay, máng trượt mang theo người lên cao từ 2m trở lên, tốc độ di chuyển của người từ 3m/s so với sàn cố định trừ các phương tiện thi đấu thể thao.

25	Hệ thống cáp treo chở người.
26	Tời, Trục tải có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên sử dụng trong khai thác hầm lò.
27	Cột chống thủy lực đơn, giá khung di động và dàn chống tự hành cấu tạo từ các cột chống thủy lực đơn sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò.
28	Động cơ đốt trong (thể tích Cac-te trên 0,6 m <sup>3</sup> hoặc đường kính xi lanh trên 200mm).
29	Máy biến áp phòng nổ.
30	Động cơ điện phòng nổ.
31	Thiết bị phân phối, đóng cắt phòng nổ (khởi động từ, khởi động mềm, Aptomat, máy cắt điện tự động, biến tần, rơ le dòng điện rò).
32	Thiết bị Điều khiển phòng nổ (bảng Điều khiển, hộp nút nhấn).
33	Máy phát điện phòng nổ.
34	Cáp điện phòng nổ.
35	Đèn chiếu sáng phòng nổ.
36	Máy nổ mìn điện.
37	Hệ thống cấp pha trượt.
38	Máy khoan, máy ép cọc, đóng cọc
39	Hệ thống bơm bê tông độc lập
40	Hệ giàn giáo, đà giáo, cột chống chịu lực
41	Sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng.

42	Đài phát thanh có công suất phát cực đại từ 150W trở lên.
43	Đài truyền hình có công suất phát cực đại từ 150W trở lên.
44	Hệ nổi (Phao, phà, ca nô,...)
45	Xe vận chuyển đầm siêu trường, siêu trọng; xe lao lắp đầm
<b>Mục II</b>	<b>Các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù quân sự</b>
1	Các loại thuốc nổ.
2	Phương tiện nổ (kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm....).
3	Cáp và cáp quang cầu bộ thiết bị 3Φ-24.40; 3Φ-24.50; БФМИ 468929.058.
4	Quang cầu bộ thiết bị 3Φ-10.36-04.
5	Thiết bị thử tải 8E088.
6	Thiết bị MC-35004/Bộ thiết bị MC-35030.
7	Bộ xe nâng chuyển tên lửa K350-110
8	Trạm sấy và làm lạnh YXHC Φ55-70MЭ.
9	Giá đỡ tháo dỡ K350-60.
10	Đòn gánh cầu K350-14-01.
11	Hệ thống chai, mạng đường ống dẫn Nitơ.
12	Hệ thống trạm, mạng tồn trữ, chiết nạp, điều chế Nitơ lỏng - khí có độ tinh khiết cao đến 98%.

13	Bình khí Nitơ xe bộ phóng 9Π-117M.
14	Bộ cáp cầu công ten nơ tên lửa.
15	Thanh cầu tên lửa P-15УПІY9513-0.
16	Cáp cầu công ten nơ tên lửa; động cơ phóng П9510-10A; đầu đạn П 9590-0; đầu đạn trong hòm C1.42-00.
17	Máy nén khí ДК-9M và ЭК-9.
18	Thiết bị an định thuốc phóng, thuốc nổ (Thiết bị an định Linter: thiết bị an định Hecxozen; thiết bị an định Nitro Xelulo (NC).
19	Thiết bị phản ứng thuốc dây chuyền sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ (thiết bị tạo NitroGlyxerin (NG); thiết bị tạo NitroXelulo (NC); Thiết bị tạo Dinitrotoluen (DNT): thiết bị chế tạo axit Tetraxen; thiết bị chế tạo axit Stipnat chì).
20	Thiết bị chịu áp lực chứa nguyên liệu chế tạo vật liệu nổ (thùng áp suất vận chuyển $\text{Na}_2\text{CO}_3$ ; thùng áp suất vận chuyển DNT; thùng áp suất vận chuyển $\text{Na}_2\text{SO}_4$ ; thùng áp suất vận chuyển $\text{Na}_2\text{SO}_3$ ).
21	Thiết bị nhồi, nén thuốc nổ thuốc dây truyền sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ: Thiết bị bằng cơ khí (máy nén tinh, máy nén 10 vị trí); thiết bị bằng thủy lực (máy nén thủy lực. thiết bị nén thuốc hạt lửa, máy ép thuốc đen).
22	Thiết bị hỗn lô thuốc phóng, thuốc nổ được dây truyền thuốc phóng, thuốc nổ: Thiết bị trộn thùng quay (máy trộn thuốc dây dẫn nổ, máy nghiền trộn thuốc đen 3 phần, máy nghiền trộn Amonit. máy trộn bột tan với thuốc); thiết bị trộn dạng lác (máy sàng thuốc TEN, máy khử bụi chọn hạt thuốc đen, máy tạo hạt thuốc đen, máy sàng thuốc gọt nổ); thiết bị trộn dạng cánh đảo (máy trộn thuốc hỗn hợp, máy trộn hỗn hợp thuốc nổ ướt. máy trộn gồm với thuốc).
23	Thiết bị lắp ráp, rung xóc đạn, hạt lửa: Máy thử chân động; máy thử va đập; máy rút, tốp đạn; thiết bị tháo ngòi và ống đuôi đạn B40.
24	Máy đánh ri đạn.
25	Thiết bị kẹp đạn bằng khí nén.
26	Buồng tăng, giảm áp suất: bình lọc khí cao áp; buồng áp suất sử dụng trong huấn luyện và Điều dưỡng cho đặc công nước.

27	Trạm khí nén YKC; VZ20/350; trạm ôxy AKZC 75M; trạm Azôt UGZCIA.
28	Cần trục các loại dùng: Nâng hạ ngư lôi, tên lửa, nâng hạ xuồng trên tàu, đảo.
29	Xà cầu đạn tên lửa.
30	Hệ thống nâng hạ bộ cầu phà PMP (tời để nâng hạ).
31	Thiết bị nâng hạ bom, đạn (Palăng điện; Pa lăng kéo tay có trọng tải nâng từ 500 kg trở lên).
32	Tời điện, tời thủ công dùng để nâng tải, kéo tải trọng các xưởng sản xuất thuốc phóng, thuốc nổ.
33	Xe nâng bom, đạn.
34	Xe cầu ghê dù.
35	Thiết bị bức xạ trường điện từ (trạm ra đa, trạm thông tin vô tuyến, tác chiến điện từ)
36	Thiết bị nâng hạ xe ô tô
37	Xe nâng, hạ chuyển đạn Tên lửa phòng không 4050
38	Moóc chứa khí nén đến 400 at 5JI94, MC-10
39	Giá kiểm tra hạt nổ ПП3
40	Các loại xe cần cầu loại 8T-210, KC-2573
41	Trạm ô xy UGZC-KP
42	Trạm Azôt UGZC-MA
43	Các thiết bị phát tia laser có công suất $\geq 10$ mW (10 mJ)



44	Máy cắt bom, đạn
45	Thiết bị tháo cối bom
<b>III</b>	<b>Các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đặc thù ngành công an</b>
1	Các loại chất cay (hơi cay)
2	Gậy điện
3	Súng bắn đạn cao su
4	Quả nỏ, quả khói
5	Thiết bị xử lý bom thư
6	Máy dò thuốc nổ
7	Máy soi chiếu tia X
8	Máy phá sóng di động
9	Súng phá hủy cơ cấu nổ
10	Chất chữa cháy - Bột chữa cháy
11	Chất chữa cháy - Chất tạo bọt chữa cháy
12	Hệ thống phòng cháy chữa cháy - hệ thống sprinkler tự động
13	Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình
14	Hệ thống chữa cháy bằng khí

15	Bình chữa cháy xách tay
----	-------------------------

**MẪU BÁO CÁO**  
**CUNG CẤP SỬ DỤNG THANG MÁY VÀ CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ,**  
**CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

**ĐƠN VỊ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: /.....

Đắk Nông, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG THANG MÁY VÀ CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ,**  
**CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG**

TT	Tên doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan sử dụng máy, thiết bị	Tên thang máy, các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	Tổng số máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	Số lượng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ đang được sử dụng	Số đã được kiểm định	Số chưa được kiểm định	Số đã được khai báo	Số chưa được khai báo	Ghi chú
01	VD: Sở A	Thang máy	01	01	01	0	01	0	
02	VD: Công ty B	Cầu trục	02	02	0	02	0	02	
...									
...									
<b>Tổng số</b>									

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

....., ngày ... tháng ... năm ...

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)